MIRAE ASSET Securities

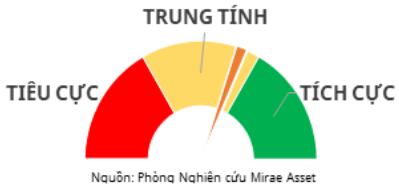
29 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,755.61	-0.6	-1.2	4.1
HNX	256.61	-1.3	-4.9	-4.3
UPCOM	124.10	-1.3	-1.1	10.2
MSCI EM	1,607.81	1.8	-5.5	13.5
NIKKEI	64,659.47	1.1	-1.3	26.0
HANG SENG	22,958.65	-0.6	-6.4	-12.9
KOSPI	5,937.66	-1.2	-13.6	45.5
FTSE	10,738.13	0.4	1.0	10.1
S&P 500	7,743.98	0.3	1.0	12.4
NASDAQ	26,549.85	0.3	-0.9	10.8

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.0	2.0	16.1
Indonesia	11.7	1.4	12.2
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.0	1.5	10.4
Thailand	14.8	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-1	112
TPCP 10 năm	4.5	0	0	68

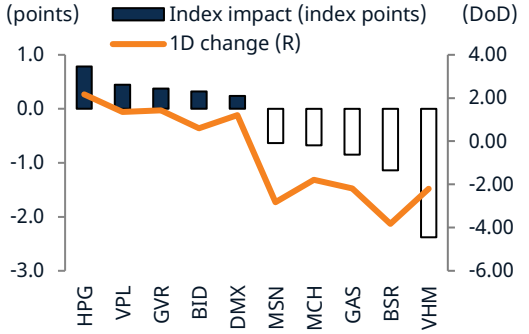
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,830	-0.1	-0.5	-1.9
US$/KRW	1,337.2	-0.4	-1.1	-5.9
US$/JPY	157.82	0.0	0.3	3.3
US$/EUR	0.8977	0.1	1.8	4.1
US$/GBP	0.7513	0.1	-0.6	-0.9
US$/SGD	1.2808	-0.1	0.2	-1.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	562	478	570
HNX	26	27	32
UPCOM	20	15	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Áp lực cung chiếm ưu thế

Trong phiên giao dịch này, thị trường mở cửa với diễn biến giằng co nhẹ và có xu hướng giảm dần trong nửa đầu phiên. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.755,61 điểm, giảm 11,04 điểm (-0,62%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh tăng 7,27% đạt khoảng 550 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 12.453 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 97 mã tăng, 215 mã giảm và 56 mã đứng giá.

Thị trường ghi nhận 19/23 nhóm ngành bị áp lực bán, nhóm ngành gây áp lực lên thị trường tập trung ở năng lượng (BSR, PLX, PVT), phần mềm (FPT, CMG, ITD). Ở chiều ngược lại, chỉ còn 4 nhóm ngành được nâng đỡ, gồm hàng hóa thiết yếu (PIT), dịch vụ tiêu dùng (VPL) và nguyên vật liệu (HPG, DGC).

Đáng chú ý, thông tin về việc cơ cấu lại vốn Nhà nước mới được công bố đã giúp các mã trong danh sách cơ cấu bật tăng ấn tượng ngay từ đầu phiên như GVR, BID, CTG, ... góp phần nâng đỡ chỉ số.

Khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 466 tỷ đồng toàn thị trường, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 455 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như TCB (-118 tỷ đồng), FPT (-114 tỷ đồng) và SSI (-79 tỷ đồng). Ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng vào các mã như VPB (83 tỷ đồng), HPG (64 tỷ đồng) và SHB (44 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm nhưng điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức 2 điểm với trạng thái TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 13.0x.

Huỳnh Thị Thu Thảo, Analyst, 84-8-39102222, thao.htt@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (29/10/2026)	1.755	Kháng cự 1	1.800
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.600

VN-Index lùi dưới MA50, thanh khoản trung bình.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (29/10/2026)	1.880	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.877	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+3,62**	Hỗ trợ 2	**1.700**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M kết phiên giảm điểm, độ lệch so với VN30 đạt mức 3,62 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	9,300	175,765	**100**	4	
TV2	Điện	27,800	200,245	**99**	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DPR	38.8	439,310	**7**	**KHẢ QUAN**	3,371	8.0	1.2	17
VIC	241	2,710,190	**6**	**KHẢ QUAN**	1,870,687	86.1	10.7	653
TCH	12.2	5,344,415	**5**	**KHẢ QUAN**	12,241	40.9	1.1	65
VC3	23.4	2,060,185	**5**	**KHẢ QUAN**	3,482	48.9	2.2	48
HSG	11.15	3,476,630	**5**	**KHẢ QUAN**	9,001	13.7	0.8	39
SHB	10.7	42,953,580	**4**	**KHẢ QUAN**	57,178	4.1	0.7	460
HPG	21.2	19,095,330	**4**	**KHẢ QUAN**	178,992	7.9	1.3	405
MWG	75.8	2,956,090	**4**	**KHẢ QUAN**	111,858	11.3	3.1	224
VCB	57.2	3,233,850	**4**	**KHẢ QUAN**	477,945	11.5	1.9	185
VPI	57.9	2,007,560	**4**	**KHẢ QUAN**	20,384	50.6	3.8	116
VNM	57.7	1,829,610	**4**	**KHẢ QUAN**	120,590	12.2	3.8	106
VIX	12.4	29,850,690	**2**	TRUNG TÍNH	31,903	14.7	1.0	370
MBB	19.7	11,475,935	**2**	TRUNG TÍNH	198,354	6.4	1.3	226
STB	66.9	3,353,395	**2**	TRUNG TÍNH	126,121	27.6	2.0	224
CTG	30.7	7,122,595	**2**	TRUNG TÍNH	238,445	5.9	1.2	219
ACB	21.3	9,141,390	**2**	TRUNG TÍNH	123,634	7.9	1.2	195
TPB	12.9	14,466,515	**2**	TRUNG TÍNH	41,153	5.4	0.9	187
VND	13.6	9,641,640	**2**	TRUNG TÍNH	20,703	9.9	1.0	131
VJC	131.6	934,855	**2**	TRUNG TÍNH	101,213	45.9	3.8	123
BID	33.85	3,305,335	**2**	TRUNG TÍNH	263,294	7.9	1.4	112
GVR	31.95	2,123,265	**2**	TRUNG TÍNH	127,800	18.1	2.1	68
NKG	12.1	4,563,905	**2**	TRUNG TÍNH	5,957	24.5	0.8	55
VCG	15.3	2,471,555	**2**	TRUNG TÍNH	10,682	2.8	0.9	38
NLG	23	1,392,055	**2**	TRUNG TÍNH	11,159	18.6	0.9	32
HHP	17.6	1,425,335	**2**	TRUNG TÍNH	1,622	33.7	1.6	25
VHM	62.1	7,845,585	**0**	TRUNG TÍNH	510,141	6.5	1.9	487
HDB	22.7	17,242,570	**0**	TRUNG TÍNH	147,706	7.4	1.7	391
SSI	19.6	18,167,816	**0**	TRUNG TÍNH	58,591	11.5	1.4	356
GEX	23	7,625,375	**0**	TRUNG TÍNH	30,095	30.2	1.5	175
VSC	13.8	11,024,280	**0**	TRUNG TÍNH	5,166	15.1	0.9	152
VCI	19	7,729,900	**0**	TRUNG TÍNH	21,892	14.8	1.3	147
SHS	12.4	10,968,425	**0**	TRUNG TÍNH	11,153	15.3	0.9	136
MSR	66	2,032,580	**0**	TRUNG TÍNH	72,707	6580.0	5.9	134
VIB	14	6,711,330	**0**	TRUNG TÍNH	52,183	6.8	1.1	94
EIB	16.8	4,870,420	**0**	TRUNG TÍNH	31,294	63.6	1.2	82

VRE	24.15	3,314,780	**0**	TRUNG TÍNH	54,876	7.4	1.1	80
CEO	11.1	6,940,160	**0**	TRUNG TÍNH	6,613	34.6	1.0	77
ORS	14.75	4,470,360	**0**	TRUNG TÍNH	9,203	15.6	1.2	66
BVH	69	916,375	**0**	TRUNG TÍNH	51,220	15.4	2.0	63
IDC	35.6	1,245,535	**0**	TRUNG TÍNH	14,861	8.2	2.2	44
MBS	15.3	2,670,845	**0**	TRUNG TÍNH	15,314	11.4	1.4	41
KBC	26.5	1,268,460	**0**	TRUNG TÍNH	24,957	14.3	1.0	34
CTS	21.55	1,496,800	**0**	TRUNG TÍNH	5,867	15.6	2.0	32
HHV	9.46	3,130,340	**0**	TRUNG TÍNH	5,176	8.2	0.5	30
NVB	14.5	2,026,730	**0**	TRUNG TÍNH	42,456	86.8	1.9	29
HUT	12.5	2,023,390	**0**	TRUNG TÍNH	13,354	23.1	1.2	25
BCM	39.55	579,915	**0**	TRUNG TÍNH	40,934	20.0	1.9	23
HDC	11.2	1,735,575	**0**	TRUNG TÍNH	2,573	3.9	0.9	19
PC1	18.85	908,520	**0**	TRUNG TÍNH	7,753	7.7	1.2	17
REE	45.5	346,790	**0**	TRUNG TÍNH	28,342	10.7	1.3	16
DPG	30.2	518,010	**0**	TRUNG TÍNH	3,581	8.9	1.2	16
BVS	26.4	564,750	**0**	TRUNG TÍNH	1,906	11.1	0.7	15
EVF	11.7	1,272,470	**0**	TRUNG TÍNH	8,899	9.2	0.8	15
NVL	10.35	24,119,064	**-1**	TRUNG TÍNH	33,149	5.6	0.5	250
TNG	19	1,253,765	**-1**	TRUNG TÍNH	2,446	5.1	1.2	24
TCB	22.35	18,520,924	**-2**	TRUNG TÍNH	237,566	8.3	1.3	414
MSN	72.1	5,563,140	**-2**	TRUNG TÍNH	105,293	11.5	2.5	401
CII	13.45	9,321,100	**-2**	TRUNG TÍNH	9,038	92.3	0.9	125
FRT	147.7	563,795	**-2**	TRUNG TÍNH	26,411	23.2	5.5	83
LPB	37.3	2,038,585	**-2**	TRUNG TÍNH	111,426	9.2	2.4	76
PVD	18.35	3,837,945	**-2**	TRUNG TÍNH	17,024	17.6	1.0	70
KDH	14	4,601,390	**-2**	TRUNG TÍNH	17,282	10.6	0.9	64
PDR	11.4	5,266,880	**-2**	TRUNG TÍNH	11,375	18.4	0.9	60
DIG	9.79	5,100,105	**-2**	TRUNG TÍNH	8,265	10.7	0.8	50
HAH	49.05	852,175	**-2**	TRUNG TÍNH	9,238	7.2	1.7	42
PET	50.1	659,745	**-2**	TRUNG TÍNH	7,753	25.4	3.1	33
CTD	64.7	495,050	**-2**	TRUNG TÍNH	7,235	9.2	0.7	32
DBC	15.8	1,804,490	**-2**	TRUNG TÍNH	6,811	6.7	0.8	29
DRI	14.7	1,702,550	**-2**	TRUNG TÍNH	1,069	6.8	1.5	25
DHC	37.5	459,120	**-2**	TRUNG TÍNH	3,984	7.4	1.6	17
CSV	23.3	708,995	**-2**	TRUNG TÍNH	2,575	9.6	1.5	17
PNJ	16.05	16,902,016	**-3**	TRUNG TÍNH	8,213	3.4	0.6	271
DXG	9.88	9,734,240	**-3**	TRUNG TÍNH	12,529	62.4	0.9	96
HCM	23.05	2,733,905	**-3**	TRUNG TÍNH	31,116	24.1	2.0	63
VPB	23.2	15,609,570	**-4**	**TIÊU CỰC**	232,000	7.4	1.2	362
DCM	34.2	2,180,815	**-4**	**TIÊU CỰC**	18,105	7.9	1.6	75
DGW	42.5	1,684,080	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,493	9.9	2.5	72
POW	12.4	4,999,495	**-4**	**TIÊU CỰC**	38,041	6.3	0.9	62
ACV	41	823,605	**-4**	**TIÊU CỰC**	146,159	13.1	2.0	34
NT2	22.9	1,459,635	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,592	4.6	1.2	33
HAG	14.45	2,188,235	**-4**	**TIÊU CỰC**	18,314	5.4	1.2	32
SBT	20.75	1,272,185	**-4**	**TIÊU CỰC**	19,394	26.4	1.6	26
VHC	51.5	304,695	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,787	7.9	1.1	16

FPT	52.7	7,174,345	**-5**	**TIÊU CỰC**	99,378	9.6	2.3	378
BSR	27.65	9,050,530	**-5**	**TIÊU CỰC**	138,452	7.0	1.9	250
PVT	21.3	7,778,745	**-5**	**TIÊU CỰC**	11,010	7.7	1.2	166
PLX	34	3,726,895	**-5**	**TIÊU CỰC**	43,992	14.1	1.7	127
GMD	52.1	1,838,535	**-5**	**TIÊU CỰC**	33,331	13.8	2.4	96
PVS	30.5	2,907,930	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,718	8.9	1.2	89
MCH	137.3	619,930	**-5**	**TIÊU CỰC**	179,507	24.5	9.9	85
GAS	76	997,730	**-5**	**TIÊU CỰC**	183,384	14.4	2.7	76
VGC	42.3	829,355	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,965	10.6	2.1	35
PVP	18.75	1,548,635	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,944	6.0	1.0	29
DCL	45.9	632,465	**-5**	**TIÊU CỰC**	3,353	#N/A N/A	2.2	29
VEA	37.8	675,120	**-5**	**TIÊU CỰC**	50,229	6.5	2.1	26
PHP	43.5	387,580	**-5**	**TIÊU CỰC**	14,223	17.3	2.4	17
DPM	20.9	2,082,395	**-7**	**TIÊU CỰC**	14,210	8.3	1.3	44
ANV	16.9	1,597,870	**-7**	**TIÊU CỰC**	4,500	5.2	1.2	27
OIL	12.7	1,598,500	**-7**	**TIÊU CỰC**	13,238	37.3	1.3	20
PAN	17.5	1,045,210	**-7**	**TIÊU CỰC**	4,387	3.6	0.8	18

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp ngày 29/10 (giờ Việt Nam), đúng như dự báo của thị trường. Tuy nhiên, cuộc họp báo sau đó của Chủ tịch Fed Kevin Warsh vẫn thu hút sự chú ý, không chỉ bởi những đánh giá về triển vọng kinh tế và tác động của trí tuệ nhân tạo (AI), mà còn bởi những thay đổi trong quy trình họp chính sách từ năm 2027. Trong tuyên bố sau cuộc họp, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) nhấn mạnh rằng việc thu thập thêm thông tin sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách xác định lập trường phù hợp để đưa lạm phát trở lại mục tiêu 2%.

Thông điệp này cho thấy Fed muốn có thêm thời gian đánh giá diễn biến kinh tế trước khi đưa ra bước đi tiếp theo, trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và áp lực giá cả vẫn là những yếu tố cần theo dõi. Thị trường đã dự báo rộng rãi khả năng giữ nguyên lãi suất, nhưng thông tin đáng chú ý nhất trong cuộc họp báo lại liên quan đến cách thức tổ chức các cuộc họp FOMC. Theo ông Warsh, trong năm 2027, ủy ban vẫn tổ chức 8 cuộc họp như thường lệ, song một cuộc họp sẽ không đi kèm bỏ phiếu về lãi suất hoặc tuyên bố chính sách sau cuộc họp. Số cuộc họp mang tính chất chiến lược sẽ tăng lên 2, đồng nghĩa FOMC có 6 cuộc họp định kỳ để điều chỉnh lãi suất, chưa tính các cuộc họp khẩn cấp.

Thay đổi này có thể tác động đến cách thị trường theo dõi và dự báo chính sách tiền tệ, bởi các cuộc họp không có quyết định lãi suất sẽ tạo thêm không gian để các nhà hoạch định chính sách thảo luận những vấn đề dài hạn. Tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa Fed sẽ giảm khả năng hành động nếu điều kiện kinh tế đòi hỏi một quyết định khẩn cấp. Bên cạnh thay đổi về quy trình, cuộc họp cũng ghi nhận hai phiếu bất đồng đối với quyết định giữ nguyên lãi suất. Thống đốc Lisa Cook và Chủ tịch Fed chi nhánh Cleveland Beth Hammack đều muốn tăng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm.

Cơ cấu lại vốn Nhà nước tại 3 doanh nghiệp và 3 ngân hàng

Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng ký Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 27/10/2026 phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030.

Có 6 doanh nghiệp sẽ được thực hiện các hình thức sắp xếp, cơ cấu lại vốn Nhà nước trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó có 3 doanh nghiệp do Bộ Tài chính đại diện chủ sở hữu. Cụ thể, Nhà nước dự kiến tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines, mã HVN) từ 39,29% ở thời điểm hiện tại lên mức 86,42% vào năm 2030.

Ngược lại, Nhà nước dự kiến giảm tỷ lệ sở hữu tại 2 doanh nghiệp khác. Trong đó, tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) dự kiến giảm từ 99,469% hiện tại về mức 65% vào năm 2030. Tương tự, tỷ lệ sở hữu tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) dự kiến giảm từ 96,77% xuống 75% trong năm 2030.

Trong lĩnh vực ngân hàng, 3 ngân hàng thương mại nhà nước thuộc diện cơ cấu lại vốn gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV), Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank - VCB) và Ngân hàng TMCP Công Thương (VietinBank - CTG). Cụ thể, tỷ lệ vốn nhà nước tại BIDV hiện là 76,73%, tại Vietcombank là 74,8% đều được định hướng duy trì từ 65% trở lên sau cơ cấu lại. Trong khi đó, tỷ lệ vốn nhà nước tại VietinBank hiện ở mức 64,46%, dự kiến đạt 65% sau cơ cấu.

Nguồn: cafef.vn

TPB: TPBank lãi trước thuế gần 7.500 tỷ đồng sau 9 tháng

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank - Mã: TPB) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2026, ghi nhận bước tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô tài sản. Với mức tăng hơn 90.000 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm, TPBank đã đưa tổng tài sản hợp nhất lên sát mốc 600.000 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2026, gần chạm mục tiêu cả năm khi vẫn còn một quý phía trước. Quy mô này tăng 17,9% so với cuối năm 2025 và cao hơn 32% so với cùng kỳ năm trước, tương đương mức tăng hơn 144.000 tỷ đồng trong vòng 12 tháng. Đóng góp vào đà mở rộng quy mô tài sản, hoạt động tín dụng của TPBank tiếp tục tăng trưởng ổn định và bám sát kế hoạch năm.

Đến cuối quý III, dư nợ cấp tín dụng hợp nhất, bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, đạt hơn 345.000 tỷ đồng, tăng 10,5% so với đầu năm và hoàn thành 96% kế hoạch, đồng thời cao hơn 14% so với cùng kỳ. Đà tăng trưởng tín dụng được hỗ trợ bởi nguồn vốn huy động dồi dào, với tổng huy động đạt hơn 529.000 tỷ đồng, trong đó huy động TT1 đạt 92% kế hoạch cả năm. Quy mô huy động tăng 18,8% so với cuối năm 2025 và cao hơn 30,9% so với cùng kỳ, tương đương gần 125.000 tỷ đồng. Trong đó, riêng huy động từ các tổ chức kinh tế và cá nhân vượt mốc 300.000 tỷ đồng.

Với kết quả này, lợi nhuận sau 9 tháng đã tương đương gần 81% lợi nhuận cả năm 2025 và hoàn thành 72% kế hoạch năm 2026. Bên cạnh sự tăng trưởng của thu nhập lãi thuần, động lực quan trọng thúc đẩy kết quả kinh doanh tích cực của TPBank đến từ mảng thu nhập ngoài lãi. Tính đến hết 30/09/2026, thu nhập thuần từ dịch vụ của ngân hàng đạt 3.559 tỷ đồng, tăng bứt phá 21,3% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này phản ánh hiệu quả từ chiến lược đẩy mạnh các giải pháp tài chính số, tối ưu hóa hệ sinh thái ngân hàng số và đa dạng hóa nguồn thu phi tín dụng. Hiệu quả sử dụng vốn cũng được cải thiện.

Nguồn: vietnambiz.vn

PVT: Lợi nhuận quý 3/2026 tăng 40%, cổ phiếu PVTrans vẫn giảm sàn, vốn hóa mất hơn 800 tỷ đồng

Phiên giao dịch ngày 29/10, cổ phiếu PVT của Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans, mã CK: PVT) ghi nhận giảm sàn 1.550 đồng/cp, tương ứng mức giảm 6,78%. Thanh khoản cổ phiếu cũng tăng lên mức 19,7 triệu cổ phiếu. Vốn hóa của doanh nghiệp giảm 801 tỷ đồng. Cổ phiếu PVT của Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans) giảm sàn trong bối cảnh doanh nghiệp công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 với doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng so với cùng kỳ. Cụ thể, trong quý 3/2026, PVTrans ghi nhận doanh thu thuần 5.610 tỷ đồng, tăng 27% so với quý 3/2025. Giá vốn hàng bán tăng 26% lên 4.816 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận gộp đạt 794 tỷ đồng, tăng 36%. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 13,22% lên 14,15%.

Trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính đạt 105 tỷ đồng, tăng 15 tỷ đồng. Chi phí tài chính tăng 4 tỷ đồng lên 146 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay đạt 117 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 15 tỷ đồng lên 156 tỷ đồng, còn chi phí bán hàng đạt gần 5 tỷ đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí, PVTrans báo lãi trước thuế 613 tỷ đồng, tăng 41%. Lợi nhuận sau thuế đạt 489 tỷ đồng, tăng 40%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần của PVTrans đạt 15.525 tỷ đồng, tăng 34%. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.582 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước.

Trong văn bản giải trình, PVTrans cho biết lợi nhuận sau thuế quý 3/2026 và 9 tháng đầu năm 2026 tăng trưởng chủ yếu nhờ lợi nhuận tăng thêm từ các tàu mới đầu tư trong năm 2025 và 2026, cùng với việc gia tăng hiệu quả khai thác đội tàu.

Nguồn: cafef.vn

VPL: Vinpearl báo lãi sau thuế 9 tháng đạt 2.829 tỷ đồng, gấp 6,6 lần cùng kỳ, dồn lực cho Tuyên Quang và Cần Giờ

Ngày 29/10/2026 – Công ty Cổ phần Vinpearl (HOSE: VPL) công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2026 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS). Theo đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 9 tháng đầu năm đạt 2.829 tỷ đồng, gấp 6,6 lần cùng kỳ năm 2025 và hoàn thành 94% kế hoạch lợi nhuận năm 2026. Trong 9 tháng đầu năm 2026, Vinpearl ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 10.686 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 26%.

Tính riêng Quý III/2026, doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 3.892 tỷ đồng và 649 tỷ đồng, tăng lần lượt 26% và 283% so với cùng kỳ, mức tăng cao nhất trong ba quý đầu năm, phản ánh nhu cầu mạnh mẽ của thị trường trong mùa cao điểm du lịch nội địa, đồng thời khẳng định sức hấp dẫn và vị thế của Vinpearl trong ngành du lịch - nghỉ dưỡng Việt Nam. Tại ngày 30/09/2026, Vinpearl ghi nhận tổng tài sản đạt 129.009 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 46.010 tỷ đồng, tăng lần lượt 49% và 26% so với cuối năm 2025.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, Vinpearl bán được hơn 2,2 triệu đêm phòng, tăng 20% so với cùng kỳ; giá phòng bình quân tăng 12%, đưa doanh thu trên mỗi phòng khả dụng (RevPAR) tăng 29%. Công suất phòng bình quân đạt 64%, tăng 9 điểm % so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy hiệu quả khai thác hệ thống tiếp tục được nâng cao. Mảng công viên giải trí VinWonders cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực cùng biên lợi nhuận mở rộng, với 8,9 triệu lượt khách trong 9 tháng đầu năm 2026. Động lực chính đến từ các công viên nằm trong các quần thể tại Nha Trang, Phú Quốc và Nam Hội An.

Nguồn: cafef.vn

NKG: Thép Nam Kim báo lãi quý 3 tăng bằng lần, lợi nhuận Tôn Đông Á đi lùi khi chi phí tăng vọt

Hai nhà sản xuất tôn mạ hàng đầu là Thép Nam Kim và Tôn Đông Á vừa công bố các kết quả kinh doanh trái chiều dù lợi nhuận gộp của cả 2 đều tăng mạnh. Trong quý 3/2026, CTCP Thép Nam Kim (HOSE : NKG) đạt doanh thu thuần hợp nhất gần 5.5 ngàn tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước; lãi ròng cũng gấp gần 2.6 lần, đạt 126 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết doanh thu được hỗ trợ bởi nhu cầu thị trường tăng. Tỷ lệ tăng 45% của doanh thu cũng cao hơn mức tăng gần 39% của giá vốn. Điều này giúp lợi nhuận gộp tăng 175%, đạt 495 tỷ đồng. Sản lượng bán hàng tăng cũng dẫn đến chi phí bán hàng tăng mạnh 145% lên 203 tỷ đồng.

Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lần lượt 89% và 103%. Tuy vậy, nhờ lợi nhuận gộp ấn tượng, Thép Nam Kim vẫn lãi ròng trên 126 tỷ đồng, tăng 155%. Về phần CTCP Tôn Đông Á (UPCoM: GDA), bức tranh kết quả kinh doanh có phần ít tươi sáng hơn. Hãng tôn mạ này báo cáo doanh thu quý 3 ở mức 4.5 ngàn tỷ đồng, tăng 22%, nhưng lợi nhuận ròng vẫn giảm 11% về xấp xỉ 75 tỷ đồng. Tại BCTC hợp nhất quý 3/2026, Tôn Đông Á không thuyết minh cụ thể về doanh thu tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.

Đáng chú ý, lợi nhuận gộp của Công ty vẫn ghi nhận 400 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính giảm 23% cùng áp lực gia tăng mạnh từ các khoản chi phí khiến tăng trưởng lợi nhuận gộp không đủ bù đắp. Trong đó, chi phí bán hàng tăng mạnh 220% lên 214 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng 43% lên 120 tỷ đồng. Những tác động trên làm lợi nhuận ròng quý 3 của Tôn Đông Á giảm 11%.

Nguồn: vietstock.vn

HPG: Hòa Phát báo lãi hơn 8.200 tỷ đồng trong quý III, vượt kế hoạch cả năm sau 9 tháng

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) vừa công bố kết quả kinh doanh quý III/2026 với doanh thu đạt 62.669 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 8.265 tỷ đồng, tăng 106%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Hòa Phát ghi nhận doanh thu 171.539 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 23.746 tỷ đồng, lần lượt tăng 54% và 104% so với cùng kỳ năm 2025. Năm 2026, tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu 210.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 22.000 tỷ đồng. Như vậy, sau 9 tháng, Hòa Phát đã thực hiện được 82% kế hoạch doanh thu và vượt 8% mục tiêu lợi nhuận cả năm. Trong cơ cấu kinh doanh, lĩnh vực thép đóng góp 97% doanh thu và 77% lợi nhuận của tập đoàn.

Về hoạt động sản xuất, Hòa Phát ghi nhận sản lượng thép thô quý III đạt 3,7 triệu tấn, tăng 3% so với quý trước và 85% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bán hàng thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao, thép cuộn cán nóng (HRC) và phôi thép đạt 3,8 triệu tấn, tăng 8% so với quý II và 54% so với cùng kỳ. Trong đó, HRC đóng góp sản lượng lớn nhất với hơn 2 triệu tấn, tăng 8% so với quý trước và 64% so với quý III/2025. Lũy kế 9 tháng, Hòa Phát sản xuất 10,7 triệu tấn thép thô, tăng 35% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng HRC, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép đạt 10,3 triệu tấn, tăng 39%.

Riêng HRC đạt sản lượng tiêu thụ 5,47 triệu tấn, tăng 59% so với cùng kỳ và chiếm hơn một nửa tổng sản lượng bán hàng các sản phẩm thép của tập đoàn. Ở nhóm sản phẩm thép hạ nguồn, sản lượng ống thép đạt 681.000 tấn, tăng 9%; thép dự ứng lực đạt hơn 192.000 tấn, tăng 66%. Trong khi đó, sản lượng tôn mạ giảm 4% xuống còn hơn 307.000 tấn. Ngoài thép, nông nghiệp tiếp tục là lĩnh vực đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn thứ hai cho Hòa Phát. Trong 9 tháng đầu năm, mảng nông nghiệp cung cấp ra thị trường 365.000 con heo và sản xuất hơn 274.000 tấn thức ăn chăn nuôi.

Nguồn: vietnambiz.vn

VRE: Vincom Retail lãi hơn 4.700 tỷ đồng sau 9 tháng, thực hiện gần 90% kế hoạch năm

CTCP Vincom Retail (Mã: VRE) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất quý III/2026 đạt 2.374 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ liên quan đạt 2.285 tỷ đồng, tăng 7,6%. Lợi nhuận sau thuế trong quý đạt 1.522 tỷ đồng, tăng gần 11% so với quý III/2025. Nếu loại trừ khoản thu nhập bất thường được ghi nhận trong mục thu nhập khác cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế tăng 25,6%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hợp nhất của Vincom Retail đạt 7.041 tỷ đồng, tăng gần 8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.737 tỷ đồng, tăng 25%.

Sau 9 tháng, doanh thu thuần hợp nhất điều chỉnh tương đương 72% kế hoạch năm, còn lợi nhuận sau thuế hoàn thành 88% mục tiêu. Về hoạt động kinh doanh, trong quý III, Vincom Retail đưa Vincom Plaza Đan Phượng tại Hà Nội vào hoạt động. Theo công bố của doanh nghiệp, trung tâm thương mại đạt tỷ lệ lấp đầy 100% tại thời điểm khai trương và đón bình quân khoảng 25.000 lượt khách mỗi ngày trong ba ngày đầu. Trong 9 tháng đầu năm, hệ thống trung tâm thương mại Vincom Retail ghi nhận 171,1 triệu lượt khách, tăng gần 9% so với cùng kỳ năm trước. Các khu phố thương mại đón 20,4 triệu lượt khách, tăng hơn 14%.

Nguồn: vietnambiz.vn

BMP: Nhựa Bình Minh sắp chia cổ tức 6.500 đồng/cp

Hội đồng quản trị CTCP Nhựa Bình Minh (Mã: BMP) vừa thông qua nghị quyết tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 65%, tương ứng 6.500 đồng/cp. Với 81,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 532 tỷ đồng để thanh toán cổ tức. Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông là 12/11, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền 11/11. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 8/12. Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2026, Nawaplastic Industries Co., Ltd. là cổ đông lớn nhất của BMP, sở hữu 54,99% vốn điều lệ và dự kiến nhận gần 293 tỷ đồng cổ tức trong đợt chi trả này.

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp duy trì chính sách cổ tức bằng tiền ở mức cao trong những năm gần đây. Tỷ lệ cổ tức năm 2025 đạt 148,6%, trong khi năm 2024 và 2023 lần lượt ở mức 119,9% và 126%. Đối với năm 2026, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ tối thiểu 50%, tương ứng 5.000 đồng/cp. Như vậy, nếu hoàn tất đợt chi trả lần này, Nhựa Bình Minh sẽ thực hiện kế hoạch cổ tức năm 2026 đã được cổ đông thông qua. Về kết quả kinh doanh, trong quý III/2026, công ty ghi nhận doanh thu thuần gần 1.463 tỷ đồng, giảm khoảng 5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 319 tỷ đồng, giảm gần 9%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần của Nhựa Bình Minh đạt gần 4.240 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt hơn 990 tỷ đồng, tăng hơn 2%. Năm 2026, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 6.053 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.278 tỷ đồng. Sau 9 tháng, công ty đã thực hiện khoảng 78% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu BMP kết phiên giao dịch ngày 28/10 ở mức 138.100 đồng/cp, tương ứng vốn hóa doanh nghiệp khoảng 11.305 tỷ đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

VNM: Vinamilk sắp chi hơn 5.200 tỷ đồng trả cổ tức đợt 1/2026

CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk - Mã: VNM) vừa công bố nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tương ứng cổ đông sở hữu một cổ phiếu VNM sẽ nhận được 2.500 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức là 12/11/2026, trong khi thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 26/11. Với gần 2,1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Vinamilk sẽ chi khoảng 5.225 tỷ đồng để thanh toán cổ tức trong đợt này. Theo cơ cấu cổ đông tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) là cổ đông lớn nhất của Vinamilk với tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ.Theo đó, SCIC dự kiến nhận khoảng 1.881 tỷ đồng tiền cổ tức trong đợt chi trả sắp tới.

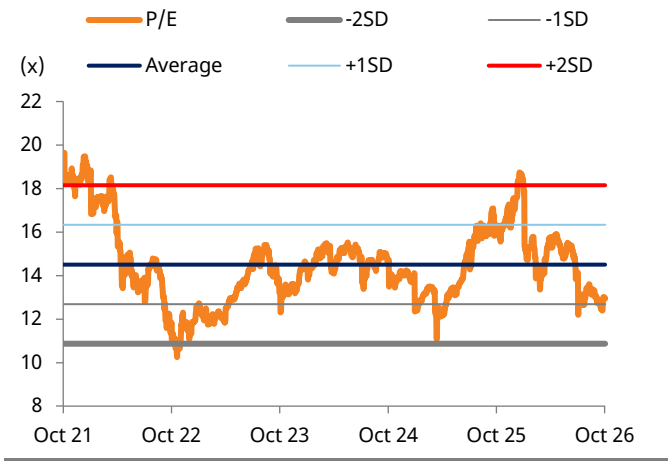
Trước đó, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, cổ đông Vinamilk đã thông qua kế hoạch duy trì cổ tức tiền mặt tối thiểu bằng 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm nay. kết quả kinh doanh, trong 6 tháng đầu năm 2026, Vinamilk ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 35.034 tỷ đồng, tăng gần 18% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế đạt 6.914 tỷ đồng, tăng 37%, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 5.643 tỷ đồng, tăng 38% và hoàn thành khoảng 57% kế hoạch năm. Theo giải trình từ phía doanh nghiệp, kết quả kinh doanh cải thiện nhờ sự phục hồi của thị trường trong nước, tăng trưởng ở mảng xuất khẩu và đóng góp từ các công ty con. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, cải thiện hiệu quả sản xuất và kiểm soát chi phí giúp biên lợi nhuận trước thuế đạt 19,7%, cao hơn mức 17% ghi nhận trong cùng kỳ năm 2025.

Nguồn: vietnambiz.vn

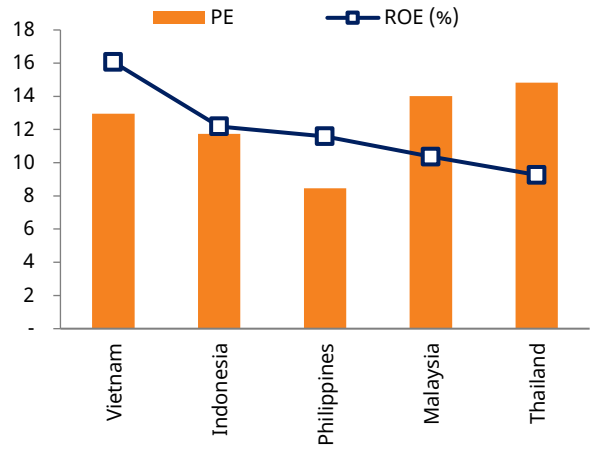
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



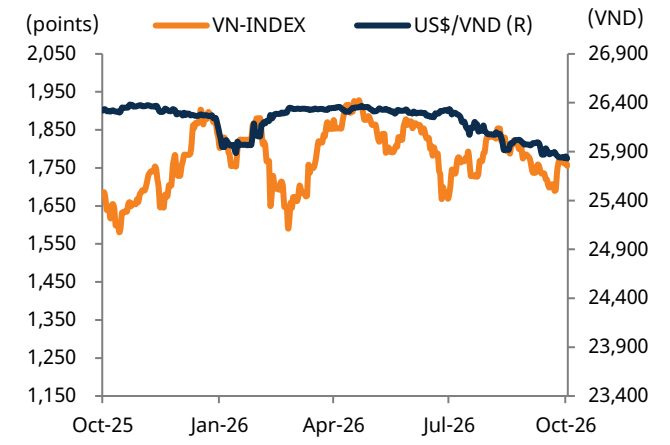
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



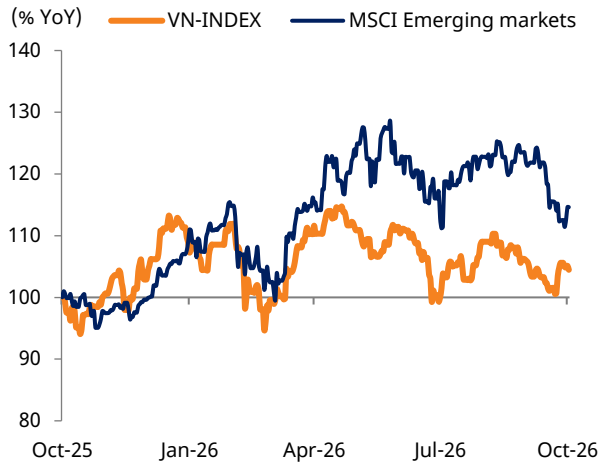
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



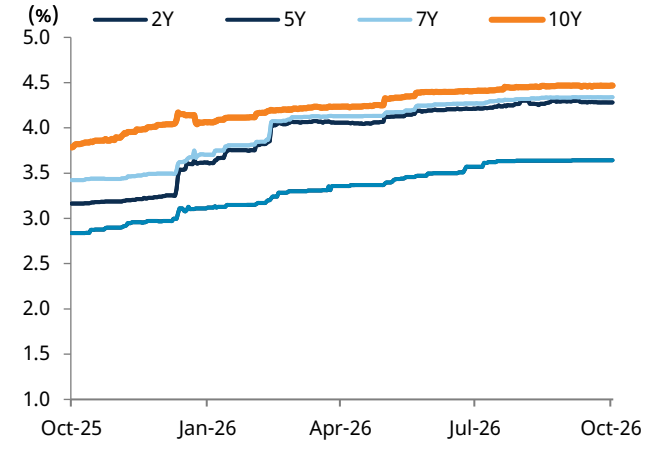
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



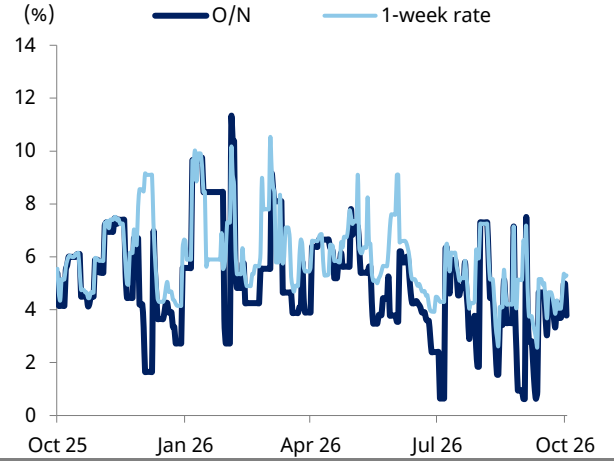
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,523,154**	**1,755.61**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.6**	**-0.3**	**-1.2**	**4.1**	**13.0**	**2.0**	**16.1**					
VN30 Index		**6,505,817**	**1,877.18**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.7**	**-0.8**	**-1.9**	**-3.7**	**11.2**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	123,634	21,300	23,982	19,204	-0.2	3.9	1.2	-5.2	7.9	1.2	16.7	22.4	6/15/2026	619	2.9	3.3
Bank for Investment and Development	BID VN	263,294	33,850	52,975	32,150	0.6	0.1	-5.7	-4.3	7.9	1.4	16.5	17.4	7/17/2026	0	1.2	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	138,452	27,650	39,600	13,500	-3.8	-5.3	-14.9	60.8	7.0	1.9	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.1	0.9
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	238,445	30,700	43,500	28,400	0.0	0.5	3.2	-10.6	5.9	1.2	22.2	24.5	7/23/2026	0	1.5	1.5
FPT Corp	FPT VN	99,378	52,700	98,818	52,500	-2.4	-8.2	-16.6	-43.0	9.6	2.3	26.2	27.3	11/27/2026	1,818	3.5	3.6
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	183,384	76,000	131,500	59,700	-2.2	-2.7	-10.5	26.2	14.4	2.7	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.3	3.7
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	127,800	31,950	46,500	25,100	1.4	0.2	-4.1	13.7	18.1	2.1	12.1	N/A	11/10/2026	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	147,706	22,700	23,450	17,230	-0.7	1.6	7.7	14.6	7.4	1.7	25.8	19.3	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	178,992	21,200	27,000	19,600	2.2	-0.2	4.4	-14.4	7.9	1.3	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.1	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	111,426	37,300	58,500	37,200	-2.1	-4.4	-14.3	-30.8	9.2	2.4	26.9	1.5	5/14/2026	3,000	8.0	8.0
Military Commercial JCB	MBB VN	198,354	19,700	24,426	17,678	0.0	-1.0	0.5	-2.3	6.4	1.3	22.1	22.3	7/9/2026	828	4.2	4.1
Masan Consumer Corp	MCH VN	179,507	137,300	183,343	125,000	-1.8	-2.6	-0.5	N/A	24.5	9.9	42.6	11.1	8/10/2026	4,074	2.9	3.6
Masan Group Corp	MSN VN	105,293	72,100	85,500	61,700	-2.8	-2.4	3.9	-9.0	11.5	2.5	24.6	24.8	7/4/2022	0	N/A	1.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	111,858	75,800	94,400	62,500	-0.3	0.7	5.4	-9.9	11.3	3.1	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.6	3.0
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,252	42,300	57,100	42,050	-1.4	-2.5	-1.7	-7.5	11.8	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.8	11.4
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	57,178	10,700	17,150	9,550	0.5	-0.9	-6.6	-35.4	4.1	0.7	17.5	4.3	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	53,489	15,600	24,800	13,234	-1.6	-2.8	-18.3	4.7	18.5	1.3	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	58,591	19,600	29,167	18,083	-0.8	-2.7	-2.7	-27.5	11.5	1.4	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.3	4.5
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	126,121	66,900	79,000	45,950	-1.6	4.4	-11.7	17.0	27.6	2.0	2.4	10.4	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	237,566	22,350	25,467	18,533	0.1	-1.8	2.8	-7.9	8.3	1.3	16.3	20.7	5/19/2026	467	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	92,556	27,800	45,000	26,600	-2.3	-6.9	-4.8	N/A	14.9	2.0	13.8	8.3	4/7/2026	0	1.2	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	477,945	57,200	78,800	52,600	-0.5	1.6	-1.4	-5.8	11.5	1.9	18.0	19.8	7/23/2026	450	0.8	0.8
Vinhomes JSC	VHM VN	510,141	62,100	86,650	43,450	-2.2	-3.0	-11.0	19.7	6.5	1.9	33.1	6.3	6/29/2026	3,000	4.8	3.3
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	52,183	14,000	17,671	12,831	-1.1	-0.4	4.5	-19.3	6.8	1.1	16.2	3.9	4/29/2026	822	5.9	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,870,687	241,000	265,000	93,000	0.0	3.5	4.8	127.4	86.1	10.7	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	101,213	131,600	169,231	111,923	0.1	2.3	-1.4	-12.3	45.9	3.8	8.7	5.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	120,590	57,700	75,500	54,600	-0.9	-0.7	-4.3	0.3	12.2	3.8	31.1	49.7	11/11/2026	4,350	8.1	7.9
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	232,000	23,200	24,952	18,962	-1.3	-3.1	1.1	-2.0	7.4	1.2	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.7	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	161,576	90,100	111,000	67,000	1.3	5.4	13.6	13.8	54.0	3.7	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	54,876	24,150	39,500	20,900	0.2	-4.5	0.0	-32.8	7.4	1.1	15.3	11.4	6/30/2026	1,000	4.1	2.1

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.